

Số: /KH-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

## KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 85/NQ-CP ngày 04/4/2026 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Thực hiện Nghị quyết số 85/NQ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 219-KL/TW ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích

- Tiếp tục thực hiện tuyên truyền, quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 19/NQ-TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Kết luận số 219-KL/TW ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 85/NQ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ và Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 219-KL/TW ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, vị trí to lớn của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 85/NQ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ; Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Tỉnh ủy Lai Châu thực hiện Kết luận số 219-KL/TW ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trên cơ sở đó bố trí, huy động nguồn lực, phân công nhiệm vụ cho các ngành, địa phương tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể các cấp trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải được coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực, vai trò chủ thể của nông dân trong ứng dụng khoa học kỹ thuật, tổ chức sản xuất hàng hóa, xây dựng nông thôn mới gắn với thích ứng biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người nông dân theo hướng bền vững.

## **2. Yêu cầu**

Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu trong Kết luận số 219-KL/TW ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 85/NQ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ, Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Tỉnh ủy Lai Châu và các văn bản của Trung ương, của tỉnh đề cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn đảm bảo hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

## **II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030**

- Có ít nhất 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân giảm 3% - 4%/năm; đến năm 2030, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều còn dưới 10%. Cơ bản không còn xã, thôn bản đặc biệt khó khăn.

- Thu nhập bình quân của người dân nông thôn đạt 47,5 triệu đồng, tăng gấp 2,7 lần so với năm 2020 và gấp 1,6 lần so với năm 2025.

- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn 80%.

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 58,1%; bình quân hàng năm đào tạo nghề cho khoảng 4.700 lao động nông thôn.

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 55%, nâng cao năng suất, chất lượng rừng.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được phân loại, thu gom, xử lý theo quy định đạt 90%.

- Phấn đấu đầu tư ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 cho nông nghiệp, nông thôn tăng ít nhất gấp 2 lần giai đoạn 2011 - 2020.

## **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**1. Đổi mới công tác truyền thông, thống nhất nhận thức, hành động về nông nghiệp, nông dân, nông thôn gắn với bảo vệ môi trường, quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên**

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục sâu, rộng nhằm nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã và nhân dân trong tỉnh về vị trí, vai trò và đóng

góp quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn, bảo vệ tài nguyên và môi trường trong tiến trình thúc đẩy tăng trưởng "2 con số" và thực hiện phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh của tỉnh. Gắn phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu với tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, bảo đảm hiệu quả kinh tế song song với bảo vệ môi trường, giữ gìn hệ sinh thái và nâng cao đời sống nhân dân.

- Thường xuyên xây dựng các phóng sự, bài viết, tin bài... đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy về chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; thu hút đầu tư và huy động nguồn lực xã hội cho phát triển sản xuất hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh.

## **2. Đẩy mạnh hoàn thiện cơ chế chính sách và các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh**

- Trong năm 2026, cơ bản hoàn thành việc rà soát, cụ thể hóa các chủ trương, định hướng của Đảng, chính sách của Nhà nước thành các cơ chế, chính sách của tỉnh để tổ chức thực hiện.

- Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026-2030; Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035. Xây dựng chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh để thu hút, huy động sức mạnh của người dân, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp xanh, sinh thái, kinh tế tuần hoàn. Tạo động lực cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, hỗ trợ thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới.

- Ưu tiên đầu tư, xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng khoa học - công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu trong mọi khâu của quá trình sản xuất, bảo quản, chế biến, logistics và thương mại. Tập trung hỗ trợ áp dụng quy trình sản xuất theo các tiêu chuẩn, như: Tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt tại Việt Nam (VietGAP); quy trình canh tác bền vững, tuân thủ các quy định nghiêm ngặt về bảo vệ môi trường, công bằng xã hội và kinh tế (RA); tiêu chuẩn hữu cơ..., hỗ trợ cấp mã số vùng trồng và các hình thức chứng nhận liên quan.

## **3. Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng xanh, sạch, hữu cơ, tuần hoàn, tăng giá trị nông sản chủ lực của tỉnh**

- Tiếp tục phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, xây dựng nền nông nghiệp sản xuất tích hợp đa giá trị, nông nghiệp hàng hóa tập trung; đầu tư thâm canh, nâng cao chất lượng vùng sản xuất tập trung hiện có, như vùng nguyên liệu chè trên 10.000 ha; lúa hàng hóa trên 3.500 ha; cây ăn quả trên 7.400 ha; quế trên 12.500 ha; mắc ca trên 7.400 ha; cá lồng trên lồng hồ 177.000 m<sup>3</sup>; phát triển chăn nuôi tập trung, quy mô trang trại; phát triển về quy mô, chất lượng, nâng cao thương hiệu vùng Sâm Lai Châu, đảm bảo nguồn gốc xuất xứ, đạt tiêu chuẩn GACP-WHO. Phát triển sản xuất theo quy trình an toàn, hữu cơ đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh như: chè; lúa hàng hóa; cây ăn quả; mắc ca; quế; cây dược liệu... gắn với cấp mã số vùng trồng; phát triển chăn nuôi, thủy sản theo hướng tập trung gắn với cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh. Đẩy mạnh đầu tư thâm canh, tổ chức sản xuất theo hướng xanh, sạch, chất lượng; ưu tiên các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc sản có lợi thế của tỉnh theo hướng áp dụng quy trình sản xuất an toàn: Hữu cơ; tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt tại Việt Nam (VietGAP); tiêu chuẩn quốc tế về thực hành nông nghiệp tốt (GlobalGAP); tiêu chuẩn kỹ thuật thực hành tốt nuôi trồng và thu hái dược liệu (GACP-WHO)... gắn với việc cấp mã vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, xây dựng nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm. Đối với các vùng phát triển mới cần thực hiện áp dụng tổ chức sản xuất theo hướng xanh, sạch, áp dụng các quy chuẩn an toàn, cấp mã vùng trồng, truy xuất nguồn gốc ngay từ đầu. Gắn phát triển vùng nguyên liệu với thu hút doanh nghiệp đầu tư hoặc liên kết sản xuất.

- Quy hoạch, bố trí quỹ đất sản xuất gắn liền với quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng có giá trị kinh tế thấp sang phát triển các sản phẩm chủ lực, đặc sản có giá trị kinh tế cao, đặc biệt là diện tích lúa nương, đất nương rẫy trồng cây hàng năm; phát triển đa dạng các sản phẩm rau, củ, quả theo nhu cầu thị trường, hình thành các vùng sản xuất rau, củ, quả tập trung, bền vững gắn với liên kết chế biến và tiêu thụ sản phẩm, thực hiện cấp mã vùng trồng, mã cơ sở đóng gói gắn với các cơ sở thu mua chế biến. Tiếp tục phát huy tiềm năng, lợi thế để phát triển ngành chăn nuôi theo hướng bền vững, nâng cao giá trị gia tăng; từng bước chuyển đổi phát triển theo hướng trang trại, ứng dụng khoa học công nghệ, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường, các cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại có hệ thống xử lý chất thải với biện pháp phù hợp và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh về diện tích mặt nước, khí hậu để phát triển các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung phát triển theo hướng bảo đảm an toàn thực phẩm, thực hiện cấp chứng nhận và quản lý các cơ sở nuôi trồng. Thực hiện đồng bộ các hoạt động quản lý, bảo vệ, khoanh nuôi, trồng rừng, khai thác, chế biến, thương mại lâm sản, dịch vụ môi trường rừng gắn với du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng. Tập trung nghiên cứu phát triển vùng trồng sâm Lai Châu đảm bảo nguồn gốc xuất

xứ, đạt tiêu chuẩn GACP-WHO hoặc tương đương, thực hiện phát triển các loài dược liệu quý tại các vùng có điều kiện phù hợp trên địa bàn toàn tỉnh. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm giảm phát thải khí nhà kính; tìm hiểu các điều kiện, xây dựng cơ sở dữ liệu làm tiền đề phát triển thị trường tín chỉ các-bon.

- Thu hút, hỗ trợ doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đầu tư mạnh mẽ vào lĩnh vực nông nghiệp, đóng vai trò dẫn dắt người dân trong chuỗi giá trị, xây dựng sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh. Khuyến khích, tạo điều kiện để các hộ nông dân tham gia phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác, hội, tổ chức ngành, nghề để sản xuất hàng hóa theo chuỗi. Có giải pháp nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế trang trại.

- Tiếp tục củng cố các mô hình liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ đã hình thành; phát triển thêm các chuỗi giá trị mới theo hướng xanh và bền vững. Tổ chức sản xuất nông nghiệp theo chuỗi khép kín, gắn kết chặt chẽ giữa khâu sản xuất - chế biến - tiêu thụ, đồng thời bảo vệ môi trường và giảm phát thải khí nhà kính. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân xây dựng chuỗi liên kết sản xuất theo các tiêu chuẩn an toàn (VietGAP, GlobalGAP, ISO...), nông nghiệp tuần hoàn, tiết kiệm nước, năng lượng và vật tư đầu vào; ưu tiên đối với các sản phẩm chủ lực, đặc sản của tỉnh như: Chè, mắc ca, quế, dược liệu, sâm Lai Châu, gạo đặc sản, gia súc, thủy sản...

- Đẩy mạnh liên kết giữa các chủ thể trong chuỗi giá trị; hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình hợp tác giữa doanh nghiệp - hợp tác xã - nông dân - nhà khoa học - Nhà nước theo hướng minh bạch, chia sẻ lợi ích hài hòa và phân bổ rủi ro hợp lý. Nâng cao vai trò của doanh nghiệp và hợp tác xã trong tổ chức sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, kiểm soát chất lượng, hướng tới đạt các chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ...

- Tăng cường hoạt động giám sát, cảnh báo sớm về nguy cơ đối với môi trường nuôi, trồng, dịch bệnh, cháy rừng; chủ động triển khai các biện pháp ngăn ngừa, phản ứng nhanh, kịp thời xử lý dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản và phòng chống cháy rừng.

- Thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm xanh, có chứng nhận và truy xuất nguồn gốc rõ ràng; tăng cường kết nối tiêu thụ nông sản thông qua sàn thương mại điện tử, hệ thống siêu thị, chợ đầu mối xanh và cửa hàng nông sản an toàn. Đẩy mạnh hoạt động quảng bá, tham gia hội chợ OCOP và các sự kiện xúc tiến thương mại trong và ngoài nước.

#### **4. Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống của nông dân và cư dân nông thôn**

Xác định nông dân là trung tâm, là chủ thể, động lực, nguồn lực của quá trình đổi mới, đặc biệt là thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân

tộc thiểu số và miền núi; phát triển nông, lâm nghiệp hàng hóa tập trung theo hướng xanh, sạch, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải thấp, bảo vệ môi trường sinh thái; quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn chuyển giao kỹ thuật, khoa học công nghệ cho các tổ chức, cá nhân áp dụng, thực hiện tốt các quy trình sản xuất an toàn vệ sinh thực phẩm, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp trong nhà màng, nhà lưới... tạo ra các sản phẩm sạch, an toàn vệ sinh thực phẩm, đáp ứng các thị trường. Khuyến khích phát triển sản xuất tập trung, bảo đảm an toàn dịch bệnh; ứng dụng công nghệ IoT để tự động hóa một số khâu trong quá trình sản xuất như kiểm soát độ ẩm, hệ thống tưới tự động; quản lý thức ăn, nước uống trong chăn nuôi với các hệ thống cho ăn, cho uống tự động. Thúc đẩy sản xuất theo hướng kinh tế tuần hoàn thông qua tái chế và xử lý phụ phẩm cây trồng, sản xuất phân bón từ phụ phẩm nông nghiệp, sử dụng chế phẩm sinh học phục hồi độ phì của đất; áp dụng hầm biogas, đệm lót sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi nhằm giảm phát thải và bảo vệ môi trường.

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ nông dân tiếp cận vốn, tín dụng xanh, tạo điều kiện để nông dân tham gia khởi nghiệp sáng tạo, phát triển các ngành dịch vụ, công nghiệp ở nông thôn, hòa nhập vào chuỗi giá trị mới.

### **5. Xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững**

- Thực hiện hài hòa giữa phát triển kinh tế - phát triển văn hóa, xã hội - bảo vệ môi trường sinh thái, kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư hạ tầng - nâng cao chất lượng đời sống - giữ gìn bản sắc văn hóa. Thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bảo đảm an sinh xã hội, bình đẳng giới, nâng cao thu nhập, chất lượng sống và khả năng tiếp cận dịch vụ cơ bản cho người dân.

- Tập trung huy động, bố trí nguồn lực và các điều kiện cần thiết để chuẩn bị tiến tới thực hiện xây dựng nông thôn mới hiện đại. Gắn kết chặt chẽ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn với phát triển đô thị, đảm bảo đồng bộ với vận hành hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp. Xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa theo hướng "nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh", phát triển kinh tế nông thôn, bảo vệ môi trường sinh thái, cải thiện nhanh điều kiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, tập trung xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển du lịch, duy trì và nâng cao chất lượng sản phẩm OCOP; nâng cao các tiêu chí đã đạt chuẩn; tập trung huy động, bố trí nguồn lực và các điều kiện cần thiết để chuẩn bị tiến tới thực hiện xây dựng nông thôn mới hiện đại. Phát huy vai trò của người nông dân là trung tâm, là chủ thể trong xây dựng nông thôn mới, tham gia sâu vào quá trình quy hoạch, phát triển bền vững. Tăng cường nguồn lực bảo đảm an ninh, trật tự, tạo môi trường an toàn, ổn định tại khu vực nông thôn.

- Hoàn thiện hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung ưu tiên hoàn thành quy hoạch nông thôn mới cho các xã mới sáp nhập. Phát triển hệ thống đô thị theo hướng xanh, thông minh và bền vững, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, lựa chọn các dịch vụ thông minh phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương để từng bước xây dựng các đô thị theo hướng đô thị thông minh, đô thị tăng trưởng xanh.

## **6. Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng nông nghiệp, nông thôn**

- Phát triển hạ tầng giao thông nông thôn, ưu tiên đầu tư các tuyến đường xã, liên xã theo cấp xã mới được sáp nhập, đảm bảo liên thông thuận lợi giữa các địa phương, địa bàn theo đơn vị hành chính mới; các tuyến đường tại các khu, điểm tái định cư các thủy điện, các tuyến đường đến thôn, bản, đường giao thông nội vùng và hệ thống đường lâm nghiệp phục vụ phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp. Phát triển hệ thống giao thông liên vùng, những tuyến có sức lan tỏa lớn để khai thác tiềm năng, thế mạnh của vùng, tăng khả năng kết nối và tiêu thụ sản phẩm. Đầu tư cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi để nâng cao hiệu quả hoạt động, tưới tiêu chủ động; ưu tiên các vùng sản xuất hàng hoá tập trung, sản phẩm chủ lực; xây dựng các công trình hồ chứa, đập dâng phục vụ đa mục tiêu, nâng cao năng lực công trình trong hệ thống thủy lợi trước những yêu cầu thách thức của biến đổi khí hậu, phục vụ dân sinh, sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái, ưu tiên các công trình cấp nước, phục vụ sản xuất vùng khó khăn, khan hiếm nguồn nước; phát triển các giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm gắn với phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số; nâng cấp các công trình nước sinh hoạt nông thôn, nâng tỷ lệ công trình nước sạch gắn với đổi mới công tác quản lý, vận hành, bảo trì, bảo đảm sử dụng công trình bền vững. Xây dựng, củng cố hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.

- Tăng cường huy động các nguồn lực đầu tư, ưu tiên vùng khó khăn, vùng biên giới; nâng cao hiệu quả đầu tư, lồng ghép các chương trình đang triển khai trên địa bàn với các Chương trình mục tiêu quốc gia để hoàn thiện hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

## **7. Giải quyết hài hòa giữa phát triển nông nghiệp, nông thôn với bảo vệ môi trường sinh thái**

- Phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với định hướng tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, lấy hiệu quả kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, giữ gìn hệ sinh thái và nâng cao đời sống nhân dân. Quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước; khai thác sử dụng hiệu quả tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường; nâng cao chất lượng lập quy hoạch, kế hoạch và công khai minh bạch thông tin đất đai; thực hiện có hiệu quả chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số; tập trung xây dựng các cơ sở dữ liệu, đẩy mạnh số hóa quản lý tài nguyên và môi trường. Bảo vệ chặt

chẽ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, phục hồi các hệ sinh thái; ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học. Tăng cường năng lực quan trắc môi trường; kịp thời phát hiện, xử lý các vấn đề làm suy giảm chất lượng môi trường; giảm thiểu và xử lý ô nhiễm từ chất thải nhựa; phát triển hệ thống hạ tầng xử lý tập trung chất thải rắn, nước thải; nâng cao tỷ lệ xử lý, tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông (suối); quản lý, xử lý chất thải nguy hại theo quy định; yêu cầu và khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tuân thủ, đáp ứng đầy đủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường.

- Nâng cao khả năng dự báo, cảnh báo sớm thiên tai, ứng dụng khoa học và công nghệ thông tin phục vụ công tác cảnh báo thiên tai; bố trí, ổn định dân cư bảo đảm an toàn tại khu vực nguy cơ về thiên tai trên địa bàn tỉnh.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Trên cơ sở những nội dung, nhiệm vụ chủ yếu của Kế hoạch này, yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đơn vị liên quan chủ động triển khai thực hiện, cụ thể hóa trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hàng năm đảm bảo mục đích, yêu cầu và mục tiêu đề ra. Bố trí, lồng ghép, huy động nguồn lực hợp pháp theo quy định của pháp luật để thực hiện tốt Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và Kết luận số 219-KL/TW ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.**

#### **2. Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện của các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường; định kỳ hàng năm hoặc đột xuất tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo theo quy định.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải pháp triển khai thực hiện các Nghị quyết của Tỉnh ủy, gồm: Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026-2030; Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035; Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh để thu hút, huy động sức mạnh của người dân, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp xanh, sinh thái, kinh tế tuần hoàn.

- Chỉ đạo thực hiện đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng xanh, sạch, hữu cơ, tuần hoàn, tăng giá trị nông sản chủ lực của tỉnh. Hướng dẫn các xã, phường trong việc xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng khoa học - công nghệ cao, phát triển xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu, áp dụng quy trình sản xuất theo các tiêu chuẩn, như: VietGAP; RA; tiêu chuẩn hữu cơ..., hỗ trợ cấp mã số vùng trồng và các hình thức chứng nhận liên quan.

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, gắn với đô thị hóa theo hướng "nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh", phát triển kinh tế nông thôn, bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, tập trung xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển du lịch. Triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, tạo sinh kế, việc làm, nâng cao thu nhập và đời sống cho người dân.

**3. Sở Tài chính:** Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan liên quan căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương và các quy định hiện hành, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo kinh phí thực hiện Kế hoạch. Tổ chức thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư; xúc tiến thương mại, tư vấn, hỗ trợ, cung cấp dịch vụ cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp, tổ chức cá nhân tìm kiếm cơ hội đầu tư, thực hiện dự án đầu tư, gắn với thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

**4. Sở Xây dựng:** Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn phù hợp với quy hoạch tỉnh và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Hướng dẫn các xã, phường rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới sau sáp nhập đơn vị hành chính; thực hiện các tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật, nhà ở, cảnh quan môi trường trong xây dựng nông thôn mới. Phối hợp triển khai các giải pháp phát triển đô thị xanh, đô thị thông minh, nâng cao chất lượng hạ tầng và môi trường sống khu vực nông thôn.

**5. Sở Giáo dục và Đào tạo:** Chủ trì triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 8637/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đào tạo nghề giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh. Phối hợp triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực khu vực nông thôn; tăng cường giáo dục hướng nghiệp, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới trong các cơ sở giáo dục. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng môi trường học tập xanh, sạch, an toàn, góp phần nâng cao chất lượng các tiêu chí giáo dục trong xây dựng nông thôn mới.

**6. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch:** Thực hiện các giải pháp phát triển các làng nghề, dịch vụ nông thôn, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, cảnh quan. Gắn kết làng nghề với phát triển các loại hình du lịch trải nghiệm, khám

phá. Đẩy mạnh thực hiện bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống gắn với chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP.

**7. Sở Công Thương:** Thực hiện các giải pháp khuyến khích thu hút các doanh nghiệp đầu tư xây dựng cụm công nghiệp; phát triển hạ tầng thương mại như: Chợ, siêu thị, cửa hàng tiện lợi nhằm tạo điều kiện cho hoạt động mua bán trao đổi hàng hóa của người dân nhất là vùng nông thôn. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và triển khai chương trình, kế hoạch về: Khuyến công, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh ứng dụng máy móc tiên tiến, khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh; quảng bá, giới thiệu, kết nối mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa thông qua các sự kiện, hội nghị, chương trình, nền tảng thương mại điện tử...

**8. Sở Khoa học và Công nghệ:** Đẩy mạnh thực hiện hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp. Hướng dẫn đề xuất đặt hàng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ cao gắn với công nghệ chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh hướng dẫn các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh xây dựng và đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm nông sản địa phương. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế chính sách hỗ trợ chuyển đổi số trong nông nghiệp, xây dựng làng, xã thông minh. Phối hợp triển khai các nội dung về xây dựng hạ tầng thông tin truyền thông, hạ tầng số phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

**9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội:** Phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức tuyên truyền sâu rộng nội dung của Kế hoạch đến toàn thể đoàn viên, hội viên, nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã để thu hút đông đảo các thành phần kinh tế tích cực tham gia phát triển sản xuất nông nghiệp nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Kế hoạch đã đặt ra, đồng thời xây dựng kế hoạch giám sát việc thực hiện.

**10. Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh, các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh** tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và các nội dung của Kế hoạch này tới toàn thể nhân dân trên địa bàn tỉnh.

### **11. Ủy ban nhân dân các xã, phường**

- Căn cứ Kế hoạch này và điều kiện thực tế của địa phương, xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, lộ trình và phân công trách nhiệm cho từng bộ phận chuyên môn, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Kết luận số 219-KL/TW ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 85/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch này đến cán bộ, công chức, viên chức, người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp trên địa bàn để biết, thực hiện.

- Chủ động rà soát, cập nhật quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quản lý chặt chẽ đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, tài nguyên, môi trường trên địa bàn; tạo điều kiện thuận lợi để tích tụ, tập trung đất đai phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia; phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh; xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; bảo vệ và phát triển rừng; phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Hướng dẫn, hỗ trợ người dân, hợp tác xã áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số, quy trình sản xuất an toàn; phát triển sản phẩm OCOP, cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về đất đai, môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc đề xuất xử lý các vi phạm theo thẩm quyền.

- Chủ động huy động, lồng ghép các nguồn lực hợp pháp để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 85/NQ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị; trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh; cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh; Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VP UBND tỉnh: V, C;
- Lưu: VT, Kt9.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hà Trọng Hải**

## PHỤ LỤC SỐ 01

**NHIỆM VỤ XÂY DỰNG CÁC NGHỊ QUYẾT CHUYÊN ĐỀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 85/NQ-CP NGÀY 04/4/2026 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 219-KL/TW NGÀY 26/11/2025 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 19-NQ/TW NGÀY 16/6/2022 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA XIII VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên Chương trình/Đề án/Kết luận	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Nghị quyết về phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệt kê theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Đã ban hành
2	Nghị quyết về phát triển du lịch giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Các sở ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
3	Nghị quyết về nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, phát triển kinh tế tư nhân thành động lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030	Sở Tài chính	Các sở ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
4	Nghị quyết về phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
5	Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc Mảng, La Hủ giai đoạn 2026-2030	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các sở ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
6	Nghị quyết về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
7	Nghị quyết về hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở ngành tỉnh; UBND các xã, phường	

**PHỤ LỤC SỐ 02**

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 85/NQ-CP NGÀY 04/4/2026 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 219-KL/TW NGÀY 26/11/2025 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 19-NQ/TW NGÀY 16/6/2022 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA XIII VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

*(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

<b>STT</b>	<b>Công trình/dự án</b>	<b>Cơ quan chủ trì tổng hợp</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
<b>I</b>	<b>Hạ tầng nông lâm nghiệp</b>			
1	Đầu tư hạ tầng lâm nghiệp và các vùng sản xuất trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
3	Đầu tư, nâng cấp các công trình thủy lợi, nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
4	Hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
5	Sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai, biên giới, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
6	Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng khu, điểm tái định cư các dự án thủy điện quốc gia trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
<b>II</b>	<b>Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản</b>			
1	Xây dựng nhà máy chế biến mắc ca	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
2	Xây dựng nhà máy chế biến rau, củ quả	Sở Nông nghiệp	Các sở, ngành tỉnh;	2026-2030

		và Môi trường	UBND các xã, phường	
3	Xây dựng nhà máy chế biến chè	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
4	Xây dựng nhà máy chế biến dược liệu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
5	Xây dựng nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
6	Xây dựng nhà máy sản xuất phân bón	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
7	Xây dựng nhà máy chế biến lâm sản gắn với khai thác rừng trồng sản xuất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
8	Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc/gia cầm tập trung	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
9	Xây dựng nhà máy chế biến thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
10	Dự án khai thác, chế biến khoáng sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
11	Dự án liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ lúa gạo đặc sản chất lượng cao	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
12	Dự án sản xuất và chăn nuôi gia súc, gia cầm ứng dụng công nghệ cao	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
13	Dự án liên kết phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ mật ong	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
<b>III</b>	<b>Dự án nông, lâm nghiệp</b>			
1	Khu nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
2	Trồng và phát triển vùng chè hữu cơ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030

3	Sản xuất giống, phát triển trồng và chế biến sâm Lai Châu và các loại cây dược liệu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
4	Phát triển vùng sản xuất rau, củ, quả	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
5	Phát triển vùng gạo đặc sản, chất lượng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
6	Phát triển vùng chuyên canh các sản phẩm nông nghiệp khác	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
7	Phát triển vùng hoa địa lan	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
8	Phát triển nuôi ong mật	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
9	Phát triển chăn nuôi thủy sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
10	Trồng phát triển cây mắc ca	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
11	Trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
12	Dự án đầu tư xử lý nước thải tập trung trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030
13	Cơ sở xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030